TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2025/HNGĐ-ST
Ngày 25 – 9 – 2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Phan Thị Thu.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Tạ Bửu Thương
Ông Ngô Hoàng Sơn

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nguyên – *Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.*

Ngày 25 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 442/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn**:* Bà Trần Thị H, sinh ngày: 01/01/1986. Số CCCD 0…6, cấp ngày 10/8/2021. Địa chỉ: Ấp T, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Nay là Khóm T, phường A, tỉnh Cà Mau (có mặt).

**** Bị đơn:*** Ông Hồ Thanh T, sinh năm: 1987. Địa chỉ: Ấp T, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Nay là Khóm T, phường A, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 28/7/2025, bản tự khai, biên bản hòa giải và được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông Hồ Thanh T kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 29/5/2008 tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau nay là Phường A, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông T thường xuyên uống rượu, say xỉn về nhà xúc phạm bà và xúc phạm cha ruột của bà. Gia đình đã khuyên can và hàn gắn nhiều lần nhưng ông T không sửa chữa, không khắc phục khuyết điểm. Nay không còn tình cảm với ông T, bà yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Hồ Khánh B, sinh ngày 27/5/2009. Con chung hiện đang sống cùng với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu nuôi con không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải Ông Hồ Thanh T trình bày:*

Về hôn nhân: Về thời gian chung sống, nơi đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như bà H trình bày. Nay bà H yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý ly hôn, ông còn thương yêu vợ con, ông hứa sửa đổi, yêu cầu hàn gắn mối quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Có 01 con chung tên Hồ Khánh B, sinh ngày 27/5/2009. Con chung hiện đang sống cùng với bà H. Trường hợp phải ly hôn, ông thống nhất tiếp tục giao con chung cho bà H nuôi dưỡng, tự thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Về Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết..

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bà Trần Thị H và ông Hồ Thanh T kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 29/5/2008 tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau nay là Phường A, tỉnh Cà Mau. Bà H yêu cầu ly hôn với ông T. Quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Đối với ông Hồ Thanh T, Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng để triệu tập ông T, đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng ông T, đều vắng mặt không rõ lý do. Nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T là đúng theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà H và ông T, thống xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, ông T thường xuyên uống rượu, say xỉn về nhà xúc phạm bà và xúc phạm cha ruột của bà. Gia đình đã khuyên can và hàn gắn nhiều lần nhưng ông T không sửa chữa, không khắc phục khuyết điểm. Bà H kiên quyết yêu cầu ly hôn. Ông T thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như bà H trình bày, ông yêu cầu hàn gắn nhưng không được bà H chấp nhận. Ông T không đưa ra được phương thức giải quyết mâu thuẫn và vắng mặt tại phiên tòa. Cuộc sống vợ chồng ông bà có mâu thuẫn, mẫu thuẫn không giải quyết được, tình cảm vợ chồng không còn. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà H có căn cứ, nên chấp nhận cho bà H ly hôn với ông T.

[4] Về con chung: Bà H và ông T thống xác định quá trình chung sống có một người con chung tên Hồ Khánh B, sinh ngày 27/5/2009. Trường hợp phải ly hôn, bà H yêu cầu được nuôi con, ông T thống nhất tiếp tục giao con chung cho bà H nuôi dưỡng, sự thỏa thuận này phù hợp với nguyện vọng của con chung, để đảm bảo ổn định cuộc sống của con chung nên chấp nhận yêu cầu của bà H, giao con cho bà H nuôi dưỡng. Bà H và ông T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông T thống xác định tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đến nay không có cá nhân, tổ chức nào yêu cầu trách nhiệm trả nợ của bà H và ông T. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về nợ chung và tài sản chung.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình bà H phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí.

Về hôn nhân: Bà Trần Thị H được ly hôn với ông Hồ Thanh T.

Về con chung: Giao con chung Hồ Khánh B, sinh ngày 27/5/2009, cho bà Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Ông Hồ Thanh T có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về Tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân gia đình 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)*, bà Trần Thị H phải nộp. Ngày 28/7/2025 bà Trần Thị H đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* theo lai thu số 0011732 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Phan Thị Thu

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND KV1-Cà Mau;
- UBND P.An Xuyên, tỉnh Cà Mau
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.